

Số: *01a*/QĐ-SCT

Đồng Nai, ngày *02* tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương năm 2019 của Cơ quan Sở công Thương

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của UBND tỉnh ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-SCT ngày 05/12/2011 của Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định công tác phối hợp quản lý tài chính và tài sản công của ngành Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-STC ngày 11/12/2018 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng nai năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-STC ngày 20/12/2018 của Sở Công Thương về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng nai năm 2019 cho Cơ quan Sở Công Thương;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng nai năm 2019 của **Cơ quan Sở Công Thương** (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày kí.

Điều 3. Ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính - Tổng hợp, Trưởng các phòng thuộc Sở Công Thương có trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban GD Sở;
- Ban website Sở;
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC



Dương Minh Dũng

Đơn vị: Cơ quan Sở Công Thương
Chương: 416

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-SCT ngày 02/01/2019
của Sở Công Thương Đồng Nai)

(Đvt: đồng)

STT	Nội dung	Số đã bố trí dự toán 2019	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng 2019
	DỰ TOÁN THU NS		-	
	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
	1. Số thu phí, lệ phí	246.000.000	-	-
	- Phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	25.000.000		
	- Phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	106.000.000		
	- Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động hóa chất nguy hiểm	15.000.000		
	- Phí kiểm tra, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm	100.000.000		
	2. Chi từ nguồn thu phí được để lại	148.000.000	-	-
	- Chi quản lý hành chính	148.000.000		
	3. Số thu phí, lệ phí nộp NSNN	98.000.000		
	- Phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	10.000.000		
	- Phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	53.000.000		
	- Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động hóa chất nguy hiểm	25.000.000		
	- Phí kiểm tra, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm	10.000.000		
	DỰ TOÁN CHI NS	20.887.000.000	606.000.000	20.281.000.000
	VĂN PHÒNG SỞ CÔNG THƯƠNG	20.887.000.000	606.000.000	20.281.000.000
I	Chi QLNN	14.826.000.000	456.000.000	14.370.000.000
1	Kinh phí hoạt động thường xuyên (C416-L340 - tự chủ)	9.405.000.000	352.000.000	9.053.000.000

STT	Nội dung	Số đã bố trí dự toán 2019	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng 2019
	- Chi con người	5.885.000.000	0	5.885.000.000
	- Chi hoạt động (64 biên chế x 55 triệu/biên chế)	3.520.000.000	352.000.000	3.168.000.000
2	Kinh phí không thường xuyên (C416 - L340 - không tự chủ)	5.421.000.000	104.000.000	5.317.000.000
2.1	Kinh phí tuyên truyền, giới thiệu về ngành công thương và tỉnh Đồng Nai trên báo đài	919.000.000	0	919.000.000
2.2	Kinh phí khảo sát sự hài lòng của thương nhân	56.000.000	0	56.000.000
2.3	Kinh phí in sổ tay về chính sách công nghiệp, thương mại	89.000.000	0	89.000.000
2.4	Kinh phí xây dựng trang thông tin khuyến mại trên địa bàn tỉnh	100.000.000	0	100.000.000
2.5	Duy trì cập nhật, thuê server cập nhật Dự án xây dựng phần mềm CSDL ngành công thương	100.000.000	0	100.000.000
2.6	Kinh phí hỗ trợ xử phạt vi phạm hành chính về điện lực	600.000.000	0	600.000.000
2.7	Kinh phí triển khai Chương trình chuyển dịch cơ cấu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng 2030	630.000.000	63.000.000	567.000.000
2.8	Hoạt động phát triển cụm công nghiệp	244.000.000	0	244.000.000
2.9	Kinh phí tuyên truyền về an toàn thực phẩm của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	50.000.000	0	50.000.000
2.10	Kinh phí triển khai Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng VN" theo Kế hoạch số 8983/KH-UBND	77.700.000	7.700.000	70.000.000
2.11	Kinh phí triển khai Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tỉnh	182.300.000	18.300.000	164.000.000
2.12	Kinh phí học tập kinh nghiệm và xây dựng mô hình thí điểm "Doanh nghiệp-HTX-Nông dân" tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh	150.000.000	15.000.000	135.000.000
2.13	Kinh phí vận chuyển bán hàng lưu động vùng sâu, vùng xa phục vụ Tết	600.000.000	0	600.000.000
2.14	Chương trình phát triển thương mại điện tử	400.000.000	0	400.000.000

STT	Nội dung	Số đã bố trí dự toán 2019	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng 2019
2.15	Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra hoạt động các tụ điểm kinh doanh tự phát tình	41.000.000	0	41.000.000
2.16	Đoàn kiểm tra, giám sát, sắp xếp các điểm kinh doanh tại chợ	55.000.000	0	55.000.000
2.17	Hội nghị tập huấn các văn bản QPPL liên quan đến lĩnh vực công thương	235.000.000	0	235.000.000
2.18	Kinh phí Tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế	50.000.000	0	50.000.000
2.19	Hội nghị trực tuyến triển khai các Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam	200.000.000	0	200.000.000
2.20	Đoàn công tác khảo sát học tập, nâng cao năng lực về tiêu thụ nông sản vào chợ đầu mối	200.000.000	0	200.000.000
2.21	Hội nghị giao lưu, gặp mặt nữ tiểu thương tỉnh Đồng Nai	235.000.000	0	235.000.000
2.22	Trang phục thanh tra	87.000.000	0	87.000.000
2.23	Tổ chức lớp tập huấn kiểm tra viên điện lực (kiểm tra và xử lý vi phạm trong vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực)	120.000.000	0	120.000.000
II	Chi sự nghiệp kinh tế (C416-L280)	2.385.000.000	150.000.000	2.235.000.000
1	Kinh phí bản tin thương mại và Công nghiệp	795.000.000	0	795.000.000
2	Chi phí quản lý, giám sát Chương trình đề án khuyến công	90.000.000	0	90.000.000
3	Kinh phí cải tạo, sửa chữa Trung tâm Khuyến công & Tư vấn phát triển công nghiệp	1.500.000.000	150.000.000	1.350.000.000
III	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (C416 - L250)	3.676.000.000	0	3.676.000.000
1	Kế hoạch Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	1.388.000.000	0	1.388.000.000
2	Đề án tập huấn, ứng phó sự cố hóa chất	703.230.000	0	703.230.000
3	Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất	1.300.015.000	0	1.300.015.000
4	Kế hoạch triển khai vận hành và bảo trì cơ sở dữ liệu an toàn hóa chất	284.755.000	0	284.755.000